

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DSST

Ngày: 06/5/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy.

Bà Trần Thị Bích Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST-KDTM ngày 23/4/2021; về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Địa chỉ: Số 28C-28D phố B, phường H, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Đức Nhật H và bà Nguyễn Thị Như N - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ban xử lý nợ Miền Trung- Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Địa chỉ: Số 44 Đ, phường P, thành phố H, tỉnh T (Theo giấy ủy quyền số 485/2021/UQ-NCB-05 ngày 21/10/2021) – đều có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kỳ Đ, sinh năm 1973 và bà Đỗ Thị Xuân T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 29 kiệt 177 P, phường P, thành phố H, tỉnh T - đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/11/2018, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh Huế với ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T ký kết hợp đồng tín dụng số 756/18/HĐCV-9368, theo đó Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh Huế cho ông Đ, bà T vay số tiền 630.000.000 đồng, mục đích vay: Giải ngân thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 239-18/Transit ngày 12/10/2018,

hóa trị gia tăng số 0003612 ngày 29/10/2018, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 01/11/2019 là 7,99%/ năm. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngân hàng đã giải ngân vốn vay và ông Nguyễn Kỳ Đ, bà Đỗ Thị Xuân T đã nhận nợ toàn bộ số tiền trên.

Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (bao gồm gốc, lãi và các chi phí có liên quan) của ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T đối với Ngân hàng, ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Xuân Thúy đồng ý thế chấp cho Ngân hàng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình là xe ô tô tải hãng FORD, loại TRANSIT, số chỗ ngồi: 16 chỗ, số khung: T4MFJRR75952, số máy: RATORQ4D244L, biển kiểm soát: 75B-016.34. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023181 do CA tỉnh TT Huế cấp ngày 30/10/2018 cho ông Nguyễn Kỳ Đ. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 01/11/2018. Hành vi thế chấp tài sản nêu trên đã được lập thành Hợp đồng thế chấp ô tô số 155/18/HĐTC-9368 ký ngày 01/11/2018.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đến ngày 02/6/2021, ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là: 219.784.105đồng, trong đó: Nợ gốc là 158.502.208 đồng, nợ lãi là 61.281.897 đồng. Tính đến ngày khởi kiện 02/3/2021, ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền của hợp đồng là 544.090.179đồng (Trong đó: Nợ gốc 472.498.036 đồng, nợ lãi: 71.592.143đồng). Kể từ đó cho đến nay ông Đ, bà T không trả thêm đồng nào. Ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản thông báo, đơn đốc, nhưng ông Đ và bà T vẫn không thực hiện trả tiếp nợ gốc và nợ lãi, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết với Ngân hàng.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bên cho vay, Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền tạm tính đến ngày khởi kiện 02/3/2021 là 544.090.179đồng (Trong đó: Nợ gốc 472.498.036 đồng, nợ lãi: 71.592.143đồng). Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/5/2022, tổng số tiền ông Đ, bà T còn nợ là 636.655.885đồng (Trong đó: Số tiền nợ gốc 471.497.792đồng, nợ lãi trong hạn 165.158.093 đồng).

Ngoài ra, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 07/5/2022 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 756/18/HĐCV-9368 ngày 01/11/2018 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Trường hợp ông Đ và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là xe ô tô

FORD, loại TRANSIT, số chỗ ngồi: 16 chỗ, số khung: T4MFJRR75952, số máy: RATORQ4D244L, biển kiểm soát: 75B-016.34. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023181 do CA tỉnh TT Huế cấp ngày 30/10/2018 cho ông Nguyễn Kỳ Đ để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả hết khoản nợ trên, thì ông Đ và bà T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/06/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Kỳ Đ trình bày:

Ông không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông thừa nhận giữa vợ chồng ông là Nguyễn Kỳ Đ và Đỗ Thị Xuân Thúy với Ngân hàng thương mại cổ phần Q có ký hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số 756/18/HĐCV-9368 ngày 01/11/2018, theo hợp đồng thì vợ chồng ông có vay số tiền 630.000.000đồng để mua xe ô tô. Quá trình vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q vợ chồng ông có trả tổng số tiền là 219.784.105đồng, trong đó nợ gốc là 158.502.208đồng, nợ lãi là 61.282.897đồng. Ông thừa nhận hiện vợ chồng ông còn nợ tiền gốc và tiền lãi như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Nhưng do tình hình dịch bệnh, điều kiện làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng ông không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng nên mới xảy ra tranh chấp. Ông có thỏa thuận với ngân hàng là sẽ trả cho Ngân hàng $\frac{1}{2}$ trước, sau đó hết dịch sẽ thanh toán phần còn lại nhưng phía ngân hàng không đồng ý.

Về phía bà Đỗ Xuân Thúy: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà T không đến Tòa án để làm việc vì lý do sức khỏe.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo qui định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 275, 292, 299, 318, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, giải quyết vụ án theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T phải trả cho nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng cho vay kiêm kế ước nhận nợ số 756/18/HĐCV-9368, số tiền nợ gốc là 471.497.792đồng cùng số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn. Ngoài ra, ông Đ và bà T còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Đ, bà T chưa trả xong toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Áp dụng Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, nơi cư trú của bị đơn là ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T được xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng, chủ thể và mục đích vay vốn thì đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình thụ lý vụ án bộ phận thụ lý đã thụ lý nhầm về quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại. Nên Hội đồng xét xử quyết định chuyển sang quan hệ tranh chấp về dân sự.

Đối với bị đơn bà Đỗ Thị Xuân T quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng vì lý do sức khỏe (Như lời trình bày của ông Nguyễn Kỳ Đ chồng bà T), nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quyền khởi kiện của người khởi kiện :

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 756/18/HĐCV-9368 ngày 01/11/2018 và Hợp đồng thế chấp ô tô số 155/18/HĐTC-9368 ngày 01/11/2018 giữa một bên cho vay tiền là Ngân hàng thương mại cổ phần Q với một bên vay tiền và thế chấp tài sản đảm bảo là ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đ và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nên Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền khởi kiện để thu hồi nợ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã tiến hành giải ngân số tiền cho vay 630.000.000 đồng cho ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ

Thị Xuân T là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong thời hạn 60 kỳ (60 tháng), mỗi kỳ hàng tháng phải trả số tiền cụ thể đã thỏa thuận tại giấy nhận nợ. Tuy nhiên, từ ngày 26/11/2018 đến ngày 26/02/2021 ông Đ, bà T chỉ trả được tổng cộng là 219.784.105 đồng, trong đó 158.502.208 tiền gốc, tiền lãi là 61.281.897 đồng. Từ sau đó cho đến nay, ông Đ, bà T không tiếp tục trả nợ gốc và lãi là đã không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết nên đã vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Tính đến ngày 06/5/2022, ông Đ và bà T còn nợ khoản vay chưa trả tại hợp đồng tín dụng số 756/18/HĐCV-9368 ngày 01/11/2018 là 636.655.885đồng; trong đó: Nợ gốc 471.497.792đồng, nợ lãi trong hạn 94.434.669, nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn 58.893.522đồng, nợ lãi phạt chậm trả lãi 11.829.902đồng. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu ông Đ và bà T phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc buộc ông Đ và bà T phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Đ và bà T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 756/18/HĐCV-9368 ngày 01/11/2018, thấy rằng: Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp là ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thấy rằng: Theo Hợp đồng thế chấp số 155/18/HĐTC-9368 ngày 01/11/2018 ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T để bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 756/18/HĐCV-9368 ngày 01/11/2018, hợp đồng này được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản trong hợp đồng đều phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 01/11/2018 nên hợp pháp. Căn cứ vào các Điều 292, 295, 298, 299, 317 và 318 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải chịu nên được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 280, 282, 295, 298, 299, 317, 318, 351 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q;

Buộc ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/5/2022 là 636.655.885đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc là 471.497.792đồng, nợ lãi trong hạn 94.434.669, nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn 58.893.522đồng, nợ lãi phạt chậm trả lãi 11.829.902đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 756/18/HĐCV-9368 ngày 01/11/2018 giữa ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T và Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Trường hợp ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T không trả đủ nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là xe ô tô FORD, loại TRANSIT, số chỗ ngồi: 16 chỗ, số khung: T4MFJRR75952, số máy: RATORQ4D244L, biển kiểm soát: 75B-016.34. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023181 do CA tỉnh TT Huế cấp ngày 30/10/2018 cho ông Nguyễn Kỳ Đ, theo Hợp đồng thế chấp số 155/18/HĐTC-9368 ngày 01/11/2018. Trường hợp tài sản thế

chấp đã xử lý nhưng không đủ để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì bị đơn ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Kỳ Đ và bà Đỗ Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $20.000.000\text{đồng} + [4\% \times 236.655.885\text{đồng}] = 29.466.235\text{đồng}$, làm tròn 29.466.000đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.881.000đồng (Mười hai triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002427 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Dung